BỘ TÀI CHÍNH - BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT	*Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2015*

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển

Căn cứ Luật biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 03 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành thông tư liên tịch quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển khi tổ chức, cá nhân được cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định tại Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển (sau đây gọi tắt là Nghị định số 51/2014/NĐ-CP).

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

2. Thông tư này không áp dụng đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 51/2014/NĐ-CP, gồm:

a) Giao khu vực biển để thăm dò, khai thác dầu khí;

b) Giao khu vực biển để khai thác thủy sản, cho thuê mặt nước để nuôi trồng thủy sản;

c) Giao khu vực biển để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định tại Nghị định số 51/2014/NĐ-CP.

2. Cơ quan quản lý nhà nước, cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Phân loại các hoạt động sử dụng biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển phải nộp tiền sử dụng khu vực biển

1. Các hoạt động sử dụng biển phải nộp tiền sử dụng khu vực biển được phân loại thành các nhóm sau:

a) Nhóm 1: Sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng gió, sóng, thủy triều, dòng hải lưu;

b) Nhóm 2: Sử dụng khu vực biển để xây dựng hệ thống ống dẫn ngầm, lắp đặt cáp viễn thông, cáp điện;

c) Nhóm 3: Sử dụng khu vực biển để xây dựng các công trình nổi, ngầm, đảo nhân tạo, công trình xây dựng dân dụng trên biển, các hoạt động lấn biển;

d) Nhóm 4: Sử dụng khu vực biển để làm vùng nước cảng biển, cảng nổi, cảng dầu khí và các cảng, bến khác (gồm: vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch; vùng để xây dựng luồng cảng biển và các công trình phụ trợ khác), vùng nước phục vụ hoạt động cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu biển, xây dựng cảng cá, bến cá; vùng nước phục vụ hoạt động vui chơi, giải trí, đón trả khách, khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch; thăm dò, khai thác khoáng sản, khai thác nước biển làm mát cho các nhà máy; trục vớt hiện vật, khảo cổ;

đ) Nhóm 5: Sử dụng khu vực biển để đổ thải bùn nạo vét;

e) Nhóm 6: Các hoạt động sử dụng khu vực biển khác.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

2. Trường hợp trên cùng một không gian biển có nhiều tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển vào các hoạt động khác nhau theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì việc thu tiền sử dụng khu vực biển được thực hiện đối với từng tổ chức, cá nhân tương ứng với từng loại hoạt động sử dụng khu vực biển.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển sử dụng vào các hoạt động khác nhau theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì việc thu tiền sử dụng khu vực biển được thực hiện tương ứng với từng loại hoạt động sử dụng khu vực biển.

Điều 4. Diện tích phải nộp tiền sử dụng khu vực biển

1. Khu vực biển được giao là khu vực biển được cấp có thẩm quyền giao cho các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển trong phạm vi từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm (18,6 năm) của đất liền trở ra đến hết vùng biển và thềm lục địa của Việt Nam.

2. Diện tích phải nộp tiền sử dụng khu vực biển là diện tích được ghi trong quyết định giao khu vực biển của cơ quan quản lý nhà nước, cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, đơn vị tính: hecta (ha). Đối với hoạt động đổ thải bùn nạo vét, diện tích phải nộp tiền sử dụng khu vực biển được căn cứ vào Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Đề án bảo vệ môi trường, Cam kết bảo vệ môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

3. Trường hợp cùng một dự án sử dụng mặt nước trong đó có phần diện tích mặt nước được xác định, thu tiền thuê mặt nước theo quy định pháp luật về đất đai và có phần diện tích mặt nước được xác định theo quy định pháp luật về biển thì nghĩa vụ tài chính với nhà nước được xác định đối với từng phần diện tích tương ứng với quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Khung giá áp dụng và mức thu tiền sử dụng khu vực biển

1. Khung giá áp dụng tính thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng nhóm hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển quy định tại Điều 3 Thông tư này được quy định như sau:

a) Nhóm 1: Khung giá áp dụng tính thu tiền sử dụng khu vực biển từ 3.000.000 đồng/ha/năm đến 7.500.000 đồng/ha/năm;

b) Nhóm 2: Khung giá áp dụng tính thu tiền sử dụng khu vực biển từ 4.000.000đồng/ha/năm đến 7.500.000 đồng/ha/năm;

c) Nhóm 3: Khung giá áp dụng tính thu tiền sử dụng khu vực biển từ 5.000.000 đồng/ha/năm đến 7.500.000 đồng/ha/năm;

d) Nhóm 4: Khung giá áp dụng tính thu tiền sử dụng khu vực biển từ 6.000.000 đồng/ha/năm đến 7.500.000 đồng/ha/năm;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

đ) Nhóm 5: Tiền sử dụng khu vực biển phải nộp đối với hoạt động đổ thải bùn nạo vét là 7.500.000 đồng/ha/năm. Khi Nhà nước điều chỉnh khung giá tính tiền sử dụng khu vực biển thì đơn giá tính tiền sử dụng khu vực biển hoạt động đổ thải bùn nạo vét cũng được điều chỉnh và được xác định ở mức cao nhất trong các khung giá tính tiền sử dụng khu vực biển khi điều chỉnh.

e) Nhóm 6: Khung giá áp dụng tính thu tiền sử dụng khu vực biển từ 3.000.000 đồng/ha/năm đến 7.500.000 đồng/ha/năm;

2. Việc xác định tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển được thực hiện như sau:

a) Căn cứ khung giá áp dụng tính thu tiền sử dụng khu vực biển tại Khoản 1 Điều này và điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể của địa phương, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành hàng năm mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn thuộc thẩm quyền giao của địa phương sau khi xin ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp để thực hiện xác định số tiền sử dụng khu vực biển cho tổ chức, cá nhân phải nộp theo quy định tại Thông tư này khi được giao khu vực biển.

b) Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam căn cứ mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển cụ thể đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại Điểm a Khoản này để xác định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể tương ứng của từng dự án thuộc thẩm quyền giao của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Đối với những hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển chưa có quy định mức thu cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này hoặc trong trường hợp cần thiết phải thành lập Hội đồng xác định mức thu tiền sử dụng khu vực biển thì Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định đối với từng trường hợp cụ thể, trong đó:

a) Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định thành lập Hội đồng do lãnh đạo Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam làm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên là đại diện của cơ quan chức năng thuộc Bộ Tài chính, các Bộ, ngành có liên quan và cơ quan, đơn vị, tổ chức khác có liên quan (nếu cần) để tổ chức xác định mức thu tiền sử dụng khu vực biển trình cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đối với dự án thuộc thẩm quyền giao của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hội đồng có thể tham khảo ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu vực biển được giao trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định mức thu tiền sử dụng khu vực biển.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng do lãnh đạo Sở Tài chính làm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên là lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, đại diện của các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan để

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

tổ chức xác định mức thu tiền sử dụng khu vực biển trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định đối với dự án thuộc thẩm quyền giao của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Trong một số trường hợp đặc biệt, tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể, đặc điểm, tính chất của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu tiền sử dụng khu vực biển theo thẩm quyền giao khu vực biển đối với một số hoạt động cao hơn hoặc thấp hơn mức quy định tại Khoản 1 Điều này sau khi thống nhất với Bộ Tài chính.

Điều 6. Phương thức thu và xác định số tiền sử dụng khu vực biển

1. Tiền sử dụng khu vực biển được tính từ thời điểm quyết định giao khu vực biển của cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền có hiệu lực thi hành.

2. Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển được lựa chọn hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển hàng năm hoặc trả tiền sử dụng khu vực biển một lần cho cả thời hạn được giao khu vực biển. Hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển và số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp tương ứng với từng hình thức được ghi cụ thể trên quyết định giao khu vực biển của cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền theo đề xuất của tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ xin giao khu vực biển theo quy định.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân lựa chọn hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển hàng năm được quy định như sau:

a) Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp hàng năm được xác định bằng diện tích khu vực biển được giao quy định tại Điều 4 Thông tư này nhân (x) với mức thu tiền sử dụng khu vực biển do cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển quyết định;

b) Mức thu tiền sử dụng khu vực biển trong trường hợp này được ổn định 05 (năm) năm tính từ thời điểm có quyết định giao khu vực biển của cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền;

c) Cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển thực hiện điều chỉnh mức thu tiền sử dụng khu vực biển theo chính sách thu tiền sử dụng khu vực biển, điều kiện kinh tế-xã hội cụ thể tại thời điểm điều chỉnh và được thực hiện khi dự án sử dụng khu vực biển hết chu kỳ ổn định mức thu tiền sử dụng khu vực biển 05 (năm) năm theo quy định tại Điểm b Khoản này.

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân lựa chọn hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển một lần cho cả thời hạn giao khu vực biển được quy định như sau:

a) Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp được xác định bằng diện tích được giao quy định tại Điều 4 Thông tư này nhân (x) với mức thu tiền sử dụng khu vực biển do cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển quyết định nhân (x) với thời hạn giao khu vực biển;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

b) Tổ chức, cá nhân trong trường hợp này được ổn định mức thu tiền cho cả thời hạn được giao khu vực biển.

5. Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để đổ thải bùn nạo vét theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 3 Thông tư này phải nộp toàn bộ số tiền sử dụng khu vực biển một lần tương ứng với thời hạn sử dụng khu vực biển là 30 (ba mươi) năm và được ghi tại quyết định giao khu vực biển của cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền.

Điều 7. Trình tự, thủ tục thu nộp tiền sử dụng khu vực biển

1. Trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định giao khu vực biển của cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển do cơ quan tiếp nhận hồ sơ giao khu vực biển gửi đến; căn cứ vào tiền sử dụng khu vực biển đã ghi trong quyết định giao khu vực biển, cơ quan thuế quản lý trực tiếp của địa phương nơi có khu vực biển được giao ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng khu vực biển theo Mẫu quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này và gửi tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển.

2. Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển có trách nhiệm nộp tiền sử dụng khu vực biển vào ngân sách nhà nước trong thời hạn theo Thông báo của cơ quan thuế, cụ thể:

a) Đối với trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển lựa chọn hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển hàng năm thì việc nộp tiền hàng năm được chia làm 2 kỳ, trong đó: kỳ thứ nhất nộp tối thiểu 50% trước ngày 31 tháng 5; kỳ thứ hai nộp đủ phần còn lại trước ngày 31 tháng 10. Hàng năm, cơ quan thuế có trách nhiệm ban hành Thông báo tiền sử dụng khu vực biển tối thiểu 30 ngày trước kỳ hạn nộp tiền theo quy định tại Thông tư này.

b) Đối với trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển lựa chọn hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển một lần cho cả thời hạn được giao thì phải nộp toàn bộ số tiền sử dụng khu vực biển trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ quan thuế ký Thông báo nộp tiền sử dụng khu vực biển phải nộp.

c) Trường hợp quá thời hạn nộp tiền ghi trên Thông báo của cơ quan thuế quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này mà tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo quy định thì phải nộp tiền chậm nộp đối với số tiền chưa nộp theo mức quy định của pháp luật về quản lý thuế.

3. Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển nộp tiền sử dụng khu vực biển trực tiếp vào ngân sách nhà nước tại kho bạc nhà nước hoặc tổ chức được ủy nhiệm thu theo pháp luật về quản lý thuế. Các nội dung liên quan đến chứng từ, quy trình thu thực hiện theo quy định về tập trung, quản lý các khoản thu ngân sách nhà nước. Tiền sử dụng khu vực biển được hạch toán theo chương của cơ quan quyết định giao khu vực biển và tiểu mục "Thu tiền thuê mặt nước" theo hệ thống mục lục ngân sách hiện hành.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

4. Việc sử dụng khu vực biển của tổ chức, cá nhân chỉ được tiến hành sau khi đã nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định tại Khoản 2 Điều này và các nghĩa vụ khác theo Quyết định giao khu vực biển của cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền.

Điều 8. Chế độ quản lý, sử dụng tiền sử dụng khu vực biển và kinh phí cho nhiệm vụ giao khu vực biển

1. Tiền sử dụng khu vực biển là một khoản thu của ngân sách nhà nước và được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Tiền sử dụng khu vực biển được nộp ngân sách trung ương đối với trường hợp giao khu vực biển thuộc thẩm quyền của Trung ương, được nộp ngân sách địa phương đối với trường hợp giao khu vực biển thuộc thẩm quyền của địa phương.

2. Kinh phí chi cho nhiệm vụ giao khu vực biển do ngân sách nhà nước đảm bảo căn cứ trên số tiền sử dụng khu vực biển thực nộp ngân sách nhà nước năm trước và khả năng cân đối ngân sách nhà nước và được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm giao cho cơ quan thực hiện nhiệm vụ giao khu vực biển để chi cho các nội dung sau:

a) Chi khảo sát lập báo cáo tình hình khu vực biển, kiểm tra thực địa, đo đạc, xác định vị trí tọa độ, diện tích khu vực biển được giao; bàn giao thực địa cho tổ chức, cá nhân, bao gồm cả tiền lương, tiền công theo chế độ hiện hành cho lao động trực tiếp (không bao gồm chi phí tiền lương cho cán bộ công chức đã được hưởng tiền lương theo chế độ quy định hiện hành), tiền công tác phí (chi phí đi lại, tiền thuê chỗ ở, tiền lưu trú), thuê phương tiện, bồi dưỡng làm thêm giờ.

b) Chi hội nghị, hội thảo, họp Hội đồng xác định tiền sử dụng khu vực biển (nếu có), họp kỹ thuật để xác định tiền sử dụng khu vực biển.

c) Chi phí mua sắm, sửa chữa thiết bị, phương tiện liên quan trực tiếp đến việc giao khu vực biển; vật tư văn phòng phẩm; thông tin liên lạc.

d) Chi phí kiểm tra liên quan đến việc xác định tiền sử dụng khu vực biển.

đ) Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến việc tổ chức xác định tiền sử dụng khu vực biển.

Điều 9. Xử lý đối với các trường hợp gia hạn, trả lại khu vực biển, thu hồi khu vực biển

1. Trường hợp tổ chức, cá nhân xin gia hạn thời hạn giao khu vực biển thì tiền sử dụng khu vực biển đối với thời hạn được gia hạn xác định theo quy định tại Thông tư này. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với thời gian được gia hạn xác định theo chính sách tại thời điểm được cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền chấp thuận việc gia hạn.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển nhưng xin trả lại một phần diện tích khu vực biển đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính với nhà nước thì số tiền sử dụng khu vực biển đã nộp cho phần diện tích này của thời hạn sử dụng còn lại được trừ vào các khoản nghĩa vụ tài chính khác với nhà nước của

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển; trường hợp không trừ hết thì được ngân sách nhà nước hoàn trả số tiền sử dụng khu vực biển còn lại.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã nộp tiền sử dụng khu vực biển cho toàn bộ thời hạn được giao nhưng tự nguyện trả lại toàn bộ khu vực biển trước thời hạn theo quyết định giao khu vực biển của cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền thì được hoàn trả số tiền sử dụng khu vực biển đã nộp cho thời gian trả trước thời hạn theo hình thức trừ vào các khoản nghĩa vụ tài chính khác với nhà nước của tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển, trường hợp không trừ hết thì được ngân sách nhà nước hoàn trả số tiền sử dụng khu vực biển còn lại. Số tiền hoàn trả được xác định trên cơ sở diện tích, thời gian sử dụng khu vực biển còn lại và mức thu tiền sử dụng khu vực biển tại thời điểm hoàn trả nhưng tối đa không quá số tiền sử dụng khu vực biển xác định tại thời điểm được giao khu vực biển.

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã nộp tiền sử dụng khu vực biển cho toàn bộ thời hạn được giao nhưng bị thu hồi khu vực biển thì số tiền sử dụng khu vực biển đã nộp cho thời gian chưa sử dụng được quy định như sau:

a) Không được hoàn trả đối với trường hợp khu vực biển bị thu hồi theo quy định tại các Điểm a, c và d Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 51/2014/NĐ-CP.

b) Được hoàn trả đối với trường hợp khu vực biển bị thu hồi để phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 51/2014/NĐ-CP. Số tiền sử dụng khu vực biển hoàn trả được xác định bằng tiền sử dụng khu vực biển theo mục đích sử dụng trước khi bị thu hồi tương ứng với thời gian chưa sử dụng tại thời điểm thu hồi nhân (x) diện tích bị thu hồi.

5. Trình tự, thủ tục khi Nhà nước hoàn trả tiền sử dụng khu vực biển

a) Trình tự, thủ tục hoàn trả lại một phần hoặc toàn bộ diện tích khu vực biển được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1909/QĐ-BTNMT ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Sau khi cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển quyết định cho phép trả lại một phần hoặc toàn bộ diện tích khu vực biển thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp của địa phương nơi có khu vực biển hoàn trả để xác định số tiền sử dụng khu vực biển được hoàn trả. Hồ sơ đề nghị hoàn trả tiền sử dụng khu vực biển bao gồm: Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước là tiền sử dụng khu vực biển theo Mẫu số 01/ĐNHT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính, Quyết định cho phép trả lại một phần hoặc toàn bộ diện tích khu vực biển (bản sao).

c) Cơ quan thuế quản lý trực tiếp nơi có khu vực biển được hoàn trả thực hiện xác định và ban hành Quyết định hoàn trả tiền sử dụng khu vực biển đối với số tiền được hoàn trả theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều này theo Mẫu số

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

01/QĐHT, Mẫu số 02/QĐHT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính.

d) Tổ chức, cá nhân được trả lại tiền sử dụng khu vực biển nộp Quyết định cho phép trả lại một phần hoặc toàn bộ diện tích khu vực biển (bản sao), Quyết định hoàn trả tiền sử dụng khu vực biển tại Kho bạc Nhà nước để nhận tiền trả lại khu vực biển.

đ) Kho bạc Nhà nước thực hiện việc thanh toán hoàn trả lại số tiền sử dụng khu vực biển cho tổ chức, cá nhân theo Quyết định hoàn trả tiền sử dụng khu vực biển của cơ quan thuế quản lý trực tiếp nơi có khu vực biển được hoàn trả.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác tính, thu, nộp tiền sử dụng khu vực biển

1. Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam có trách nhiệm:

a) Chủ trì xác định địa điểm, tọa độ, ranh giới, diện tích khu vực biển, phân nhóm hoạt động sử dụng khu vực biển để tính tiền sử dụng khu vực biển phải nộp đối với trường hợp thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường; trình cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành quyết định giao khu vực biển.

b) Chủ trì xây dựng và thể hiện trên nền hải đồ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm và đường ranh giới phía ngoài cách đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm theo phương vĩ tuyến một khoảng cách 03 hải lý để trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định công bố.

c) Sử dụng kinh phí chi cho nhiệm vụ giao khu vực biển đúng quy định của pháp luật.

d) Thanh tra, kiểm tra về công tác xác định tọa độ, ranh giới, diện tích khu vực biển; phân nhóm hoạt động sử dụng khu vực biển; xác định mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với dự án thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại Thông tư này.

đ) Hàng năm tổng hợp, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường (đồng gửi Bộ Tài chính) về công tác thu tiền sử dụng khu vực biển trên phạm vi toàn quốc để Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Chủ trì xác định địa điểm, tọa độ, ranh giới, diện tích khu vực biển; phân nhóm hoạt động sử dụng khu vực biển để tính tiền sử dụng khu vực biển phải nộp đối với trường hợp thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành quyết định giao khu vực biển;

b) Sử dụng kinh phí chi cho nhiệm vụ giao khu vực biển đúng quy định của pháp luật.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

3. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành hàng năm mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển cụ thể trên địa bàn thuộc thẩm quyền giao của địa phương.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có ý kiến về mức thu tiền sử dụng khu vực biển theo đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường nằm trên địa bàn địa giới hành chính của địa phương.

4. Cục Thuế địa phương nơi có khu vực biển được giao có trách nhiệm

a) Xác định và thông báo số tiền sử dụng khu vực biển đối với từng dự án cụ thể mà tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển phải nộp theo quy định tại Thông tư này.

b) Đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân nộp tiền sử dụng khu vực biển vào ngân sách nhà nước theo đúng thời gian quy định tại Thông tư này.

c) Giải quyết vướng mắc liên quan đến thủ tục thu nộp và hoàn trả tiền sử dụng khu vực biển.

d) Cung cấp thông tin về tình hình thu nộp tiền sử dụng khu vực biển cho Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường biết, theo dõi.

đ) Hàng năm tổng hợp số liệu về thu tiền sử dụng khu vực biển tại địa phương để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tổng cục Thuế và Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

5. Cơ quan kho bạc nhà nước

a) Thu đủ số tiền sử dụng khu vực biển vào Kho bạc Nhà nước theo thông báo nộp tiền sử dụng khu vực biển của cơ quan thuế.

b) Không được chuyển việc thu tiền sang ngày hôm sau khi đã nhận đủ thủ tục nộp tiền của người có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính.

c) Không được từ chối thu khi tổ chức, cá nhân nộp tiền sử dụng khu vực biển trong giờ làm việc và đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.

6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nộp tiền sử dụng khu vực biển

a) Nộp tiền sử dụng khu vực biển theo đúng phương thức và thời hạn theo Thông báo của cơ quan thuế.

b) Quá thời hạn nộp tiền sử dụng khu vực biển theo Thông báo của cơ quan thuế mà không nộp đủ tiền sử dụng khu vực biển thì phải nộp tiền chậm nộp theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với khu vực biển mà Nhà nước đang cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê mặt nước theo hình thức trả tiền hàng năm theo quy định tại Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước để thực hiện các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư này thì xử lý như sau:

a) Trường hợp số tiền thuê mặt nước cao hơn mức thu tiền sử dụng khu vực biển tối thiểu quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư này trong trường hợp được Nhà nước giao khu vực biển có cùng mục đích sử dụng theo quy định tại Nghị định số 51/2014/NĐ-CP thì số tiền thuê mặt nước cho thời gian thuê còn lại được xác định lại bằng với mức thu tiền sử dụng khu vực biển tối thiểu trên cơ sở đề nghị của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và áp dụng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

b) Trường hợp số tiền thuê mặt nước thấp hơn mức thu tiền sử dụng khu vực biển tối thiểu quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư này trong trường hợp được Nhà nước giao khu vực biển có cùng mục đích sử dụng theo quy định tại Nghị định số 51/2014/NĐ-CP thì tiếp tục được nộp tiền thuê mặt nước đã xác định cho thời gian thuê mặt nước còn lại mà không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định tại Thông tư này. Khi hết thời hạn thuê mặt nước biển, trường hợp được cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển thì phải nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật về biển tại thời điểm được giao.

2. Đối với khu vực biển mà Nhà nước đang cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê mặt nước để thực hiện các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư này và đã nộp tiền thuê mặt nước một lần cho cả thời gian thuê theo quy định tại Nghị định số 142/2005/NĐ-CP, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP thì không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển cho thời gian sử dụng còn lại.

3. Đối với khu vực biển mà tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng để khai thác, sử dụng tài nguyên biển trước ngày 15 tháng 7 năm 2014 (ngày Nghị định số 51/2014/NĐ-CP có hiệu lực thi hành) thuộc đối tượng phải nộp tiền thuê mặt nước theo quy định tại Nghị định số 142/2005/NĐ-CP, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP nhưng chưa nộp tiền thuê mặt nước thì thực hiện truy thu tiền thuê mặt nước và cộng thêm tiền chậm nộp theo pháp luật về quản lý thuế tính từ thời điểm phải nộp tiền thuê mặt nước đến ngày 15 tháng 7 năm 2014. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phải nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định tại Thông tư này kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2014.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2016.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương, Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, bất cập đề nghị các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường để được xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THỨ TRƯỞNG	KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH THỨ TRƯỞNG
Chu Phạm Ngọc Hiển	Nguyễn Hữu Chí

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Uỷ ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB giám sát tài chính QG;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo, Website của Chính phủ, Website các Bộ: TC, TNMT;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, Cục thuế, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính, Bộ TNMT;
- Lưu: VT Bộ TC, VT Bộ TNMT (30).

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Mẫu số: Thông báo về việc nộp tiền sử dụng khu vực biển

Cục Thuế:..... **Chi cục Thuế:.....**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ..... /TB.....	....., *ngày..... tháng ..... năm .....

THÔNG BÁO
Về việc nộp tiền sử dụng khu vực biển

I.PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THUẾ

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-(TTg/BTNMT/UBND) ngày....tháng....năm.... của Thủ tướng Chính phủ/Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố... về việc giao khu vực biển, cơ quan thuế thông báo nộp tiền sử dụng khu vực biển như sau:

1. Tên tổ chức/cá nhân được giao khu vực biển:.....
- Địa chỉ gửi thông báo nộp tiền:.....
- Mã số thuế (nếu có):.....
- Số điện thoại:.....
- Ngành nghề kinh doanh:.....

2. Đại lý thuế (nếu có):.....
- Mã số thuế:.....
- Địa chỉ: .....

3. Vị trí khu vực biển được giao: .....
4. Mục đích sử dụng khu vực biển: .....
5. Diện tích biển được giao phải nộp tiền sử dụng khu vực biển:.....
6. Thời hạn sử dụng khu vực biển:.....
7. Phương thức nộp tiền sử dụng khu vực biển (hàng năm/một lần):.....
8. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển:.....
9. Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp:.....

9.1. Đối với trường hợp nộp tiền hàng năm
- Số tiền nộp kỳ thứ nhất:.....
- Số tiền nộp kỳ thứ hai:.....

9.2. Đối với trường hợp nộp tiền một lần:

10. Thời gian nộp tiền sử dụng khu vực biển:.....
11. Số tiền nộp ngân sách nhà nước (đồng):.....

Viết bằng chữ:.....

Quá ngày phải nộp theo quy định mà người thuê đất, thuê mặt nước chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo mức quy định của Luật Quản lý thuế.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với … *(Tên cơ quan thuế)*... theo số điện thoại: ..... địa chỉ: .....
....(Tên cơ quan thuế)... thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO NỘP TIỀN	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO**
...,Ngày .... tháng .... năm ...	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)	

II. PHẦN TÍNH TIỀN CHẬM NỘP TIỀN SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN (nếu có):

1. Số ngày chậm nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật:

2. Số tiền chậm nộp tiền sử dụng khu vực biển

(Viết bằng chữ:.....)

..., ngày ... tháng …... năm.....
TIỈỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Mục 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8: Ghi theo Quyết định giao khu vực biển

- Mục 2, 9, 10, 11: Phần ghi và tính toán của cơ quan thuế

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn